

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 133/HNGĐ-ST.

Ngày: 19-5-2023.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt.

2. Ông Nguyễn Chí Lin.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 314/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Kim B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 21/3/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Kim B trình bày như sau: Ông và bà Phạm Thị T sống với nhau năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2003, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông sống ly thân với bà T từ năm 2003 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên ông xin ly hôn bà T.

Về con chung: Lê Thúy D, sinh năm 1988, Lê Hồng C, sinh năm 1990, Lê Kim X, sinh năm 1995 và Lê Kim Ngọc, sinh năm 1998 (các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Bà và ông B sống với nhau năm 1986, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ, chồng không có phát sinh mâu thuẫn, ông B bỏ nhà đi từ năm 2003 cho đến nay. Do vợ chồng chung sống không có phát sinh mâu thuẫn nên ông B xin ly hôn bà không đồng ý, bà mong muốn hàn gắn lại tình cảm vợ, chồng để cùng chung sống.

Về con chung: Lê Thúy D, sinh năm 1988, Lê Hồng C, sinh năm 1990, Lê Kim X, sinh năm 1995 và Lê Kim Ngọc, sinh năm 1998 (các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết).

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 4/4/2023, bà làm đơn phản tố yêu cầu ông B trả cho bà công sức gìn giữ tài sản của ông B số tiền là 1.000.0000.000đ, bà đã nhận thông báo nộp tiền án phí ngày 10/4/2023 nhưng bà không có tiền nên không thể nộp án phí được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Kim B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị T, bà T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kim B và bà Phạm Thị T chung sống với nhau vào năm 1986, không đăng ký kết hôn, ông B và bà T chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực nên được xem là hôn nhân thực tế theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35 của Quốc Hội ngày 9/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, ông B và bà T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông B xin ly hôn bà T, bà T không đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy ông B và bà T chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn, ông B cho rằng sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay, ông B và bà T không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn

tự nên ông B cương quyết xin ly hôn. Bà T cho rằng cuộc sống vợ, chồng không có mâu thuẫn nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi sống ly thân cho đến nay, thời gian đã rất lâu nhưng ông B và bà T vẫn không giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng chung sống với nhau. Bà T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa ông B và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông B xin ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà T.

[4] Con chung: Lê Thúy D, sinh năm 1988, Lê Hồng C, sinh năm 1990, Lê Kim X, sinh năm 1995 và Lê Kim Ngọc, sinh năm 1998 (các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết).

[5] Tài sản chung: Ông B và bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông B và bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với yêu cầu của bà T, yêu cầu ông B trả số tiền 1.000.000.000đ cho công sức bà T gìn giữ tài sản của ông B. Do bà T không nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; Điều 9, 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Kim B đối với bà Phạm Thị T về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Kim B được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Việc nuôi con: Lê Thúy D, sinh năm 1988, Lê Hồng C, sinh năm 1990, Lê Kim X, sinh năm 1995 và Lê Kim Ngọc, sinh năm 1998 (các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết).

Chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Lê Kim B chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, ông B được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008277 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND xã Đức Hòa Đông;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên